

Số: 132/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN HÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình, được lập ngày 15/02/2016, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/07/2015 đến 31/12/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các qui định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.


Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi xác định được tính đúng đắn và hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm nêu trên.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính do các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính.





Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
0133-2015-137-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM
Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016



Đỗ Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1417-2015-137-1

Mẫu số B01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	04/07/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.933.089.176	200.849.044.484
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.815.230.942	10.296.397.030
1. Tiền	111	V.01	32.815.230.942	10.296.397.030
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		121.834.368.003	86.174.921.024
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	102.899.606.233	53.358.205.533
2. Trả trước cho người bán	132		18.447.502.801	32.353.990.653
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	487.258.969	462.724.838
IV. Hàng tồn kho	140		35.260.896.632	104.077.233.198
1. Hàng tồn kho	141	V.04	35.260.896.632	104.077.233.198
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.022.593.599	300.493.232
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.022.593.599	300.493.232
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.377.612.597	14.873.806.771
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		9.274.974.759	9.714.748.362
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	9.274.974.759	9.714.748.362
- Nguyên giá	222		13.798.061.317	13.745.334.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.523.086.558)	(4.030.585.682)
2. Tài sản thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.102.637.838	5.159.058.409
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	19.102.637.838	5.159.058.409
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		219.310.701.773	215.722.851.255

Mẫu số B01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	04/07/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		178.368.319.463	173.032.753.414
I. Nợ ngắn hạn	310		178.368.319.463	173.032.753.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	43.820.437.599	23.895.911.625
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		46.443.949.780	246.807.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	2.236.813.985	3.525.951.981
4. Phải trả người lao động	314		2.381.689.602	499.403.542
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.09		32.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10	980.000.000	77.941.390.890
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	14.779.235.711	712.125.118
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	57.632.792.241	56.680.837.368
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.093.400.545	9.498.325.890
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.942.382.310	42.690.097.841
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	40.942.382.310	42.690.097.841
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.040.930.000	42.690.097.841
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		901.452.310	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		219.310.701.773	215.722.851.255

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Người lập



Nguyễn Lương Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền



Vũ Dũng Tiến

Mẫu số B02- DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 04/07/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	342.219.267.017
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	342.219.267.017
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	327.860.387.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.358.879.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	29.212.580
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	1.774.481.750
8. Chi phí bán hàng	24		879.844.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.313.165.005
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.420.600.498
11. Thu nhập khác	31		
12. Chi phí khác	32		
13. Lợi nhuận khác	40		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.420.600.498
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.06	1.412.532.110
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.008.068.388
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	1.251

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Người lập

Nguyễn Lương Ngọc

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Huyền



Vũ Dũng Tiến

Mẫu số B03- DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho giai đoạn hoạt động từ 04/07/2015 đến 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	283.619.803.860
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(175.322.405.826)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.731.016.695)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(927.102.756)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.433.686
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(41.359.061.359)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.289.650.910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.481.294
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.481.294
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22.266.073.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(56.924.837.368)
5 Tiền chi trả nợ thuế tại chính	35	
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.136.533.924)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.795.298.292)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	22.518.833.912
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.296.397.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.815.230.942

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Người lập



Nguyễn Lương Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền



Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

Vũ Dũng Tiến